

Số: 54/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 02 năm 2023




PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
Tp. Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	0	5	4	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: Nước máy (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: Không có (Trade, mark of sample)	
2.	Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín. (Condition of sample)		
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: TTKSBT (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: Khoảng 1.5 lít (Unit of product/sample)	
4.	Cơ sở sản xuất: Bể chứa Dung Quất (Manufacturer)		
5.	Chủ cơ sở: Công ty CP VINACONEX Dung Quất (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: 0255 3610159 (Telephone number)	
6.	Ngày nhận mẫu: 08/02/23 (Date of sample)	Ngày phân tích: 08- 10/02/23 (Work day)	Ngày trả kết quả: 16/02/23 (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: Lý hóa-vi sinh. (Testing mandate)		
8.	Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu. (Sample detaining duration from to)		
KẾT LUẬN (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1: 2018/BYT			
10.	<p style="text-align: center;">GIÁM ĐỐC KT. GIÁM ĐỐC (Director) PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p style="text-align: center;">  Võ Văn Phú</p>	<p style="text-align: center;">PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN (Vice-head of laboratory)</p> <p style="text-align: center;"> Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</p>	

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤ 15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 ⁰ C và 60 ⁰ C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤ 2	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,61	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện



Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 55/KNN/2023



Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 02 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

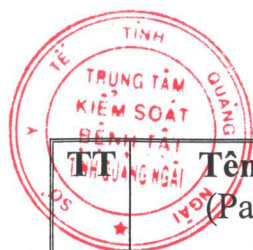
Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255)3 829213/Fax: 3827085



H-VSN 0 0 5 5 2 3

1.	Tên mẫu: Nước máy (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: Không có (Trade, mark of sample)	
2.	Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín. (Condition of sample)		
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: TTKSBT (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: Khoảng 1.5 lít (Unit of product/sample)	
4.	Cơ sở sản xuất: Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất (Manufacturer)		
5.	Chủ cơ sở: Công ty CP VINACONEX Dung Quất (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: 0255 3610159 (Telephone number)	
6.	Ngày nhận mẫu: 08/02/23 (Date of sample)	Ngày phân tích: 08- 10/02/23 (Work day)	Ngày trả kết quả: 16/02/23 (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: Lý hóa-vi sinh. (Testing mandate)		
8.	Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu. (Sample detaining duration from to)		
KẾT LUẬN (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1: 2018/BYT			
10.	GIÁM ĐỐC (Director) KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC  Võ Văn Phú	PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN (Vice-head of laboratory)  Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI	

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

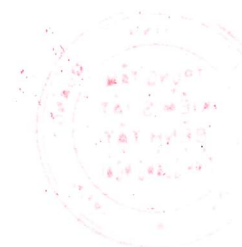
(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤ 15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 ⁰ C và 60 ⁰ C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤ 2	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,53	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện



Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 56/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 02 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)


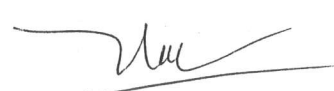
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255)3 829213/Fax: 3827085



MÃ SỐ MẪU: LAT 1.050
ISO/IEC 17025:2017

H-VSN	0	0	5	6	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: Nước máy (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: Không có (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín. (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: TTKSBT (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: Khoảng 1.5 lít (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: Đồng hồ Sông Hồng (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: Công ty CP VINACONEX Dung Quất (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: 0255 3610159 (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: 08/02/23 (Date of sample)	Ngày phân tích: 08- 10/02/23 (Work day)
		Ngày trả kết quả: 16/02/23 (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: Lý hóa-vi sinh. (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu. (Sample detaining duration from to)	
	KẾT LUẬN (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1: 2018/BYT	
10.	GIÁM ĐỐC (Director) KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC  Võ Văn Phú	PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN (Vice-head of laboratory)  Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤ 15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 ⁰ C và 60 ⁰ C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤ 2	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,67	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.